

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 31

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên	
Ông Hoàng Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đề ngày 21 tháng 3 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61150429/17793228

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 21 tháng 3 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.170.507.052.965	1.207.162.476.422
110	I. Tiền	4	30.935.444.507	68.267.019.973
111	1. Tiền		30.935.444.507	68.267.019.973
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.900.000.000	4.900.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.900.000.000	4.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		348.987.791.367	314.509.823.282
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	317.246.505.287	291.606.496.058
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.087.773.476	21.853.671.093
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	22.340.055.496	7.105.758.209
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(8.690.849.291)	(6.060.407.804)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		4.306.399	4.305.726
140	IV. Hàng tồn kho	8	669.576.016.876	731.942.945.461
141	1. Hàng tồn kho		669.576.016.876	731.942.945.461
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		116.107.800.215	87.542.687.706
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	16.334.943.484	1.573.082.052
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		99.772.856.731	85.919.866.413
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	49.739.241
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.220.502.475	85.559.069.207
210	I. Phải thu dài hạn		2.201.670.000	1.704.580.480
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.201.670.000	1.704.580.480
220	II. Tài sản cố định		81.294.875.482	83.374.408.181
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	24.258.940.592	26.028.463.429
222	Nguyên giá		42.176.019.795	41.003.876.635
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.917.079.203)	(14.975.413.206)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	57.035.934.890	57.345.944.752
228	Nguyên giá		58.509.622.898	58.509.622.898
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.473.688.008)	(1.163.678.146)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		1.100.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	1.100.000.000	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		623.956.993	480.080.546
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		623.956.993	480.080.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.255.727.555.440	1.292.721.545.629

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		646.990.854.167	957.962.429.143
310	I. Nợ ngắn hạn		619.296.081.289	928.031.999.264
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	153.899.134.619	206.572.357.994
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	3.962.290.337	66.230.225.141
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.754.714.116	12.176.188.353
314	4. Phải trả người lao động		15.231.247.178	13.350.964.228
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.871.363.656	12.903.691.338
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	15.670.346.860	13.694.065.819
320	7. Vay ngắn hạn	17	422.906.984.523	603.104.506.391
330	II. Nợ dài hạn		27.694.772.878	29.930.429.879
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	4.794.772.878	1.430.429.879
338	2. Vay dài hạn	17	22.900.000.000	28.500.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		608.736.701.273	334.759.116.486
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	608.736.701.273	334.759.116.486
411	1. Vốn cổ phần		306.133.290.000	108.024.690.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		306.133.290.000	108.024.690.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.617.941.416	35.549.217.650
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(82.850.613.400)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		155.858.407.023	273.635.822.236
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		52.095.022.236	145.695.922.918
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		103.763.384.787	127.939.899.318
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.255.727.555.440	1.292.721.545.629

Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	4.246.389.580.916	4.956.069.869.743
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(43.033.836.352)	(79.505.130.468)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	4.203.355.744.564	4.876.564.739.275
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	20	(3.938.889.355.570)	(4.589.220.627.225)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		264.466.388.994	287.344.112.050
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	14.114.044.450	10.737.904.224
22	7. Chi phí tài chính	22	(40.204.938.068)	(42.672.207.786)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(23.133.793.052)	(25.117.089.462)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(64.397.440.390)	(67.229.317.088)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(45.180.658.342)	(38.939.839.997)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		128.797.396.644	149.240.651.403
31	11. Thu nhập khác	23	6.038.138.573	19.820.408.517
32	12. Chi phí khác	23	(1.302.852.583)	(1.128.063.456)
40	13. Lợi nhuận khác	23	4.735.285.990	18.692.345.061
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		133.532.682.634	167.932.996.464
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(29.769.297.847)	(39.993.097.146)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		103.763.384.787	127.939.899.318

Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

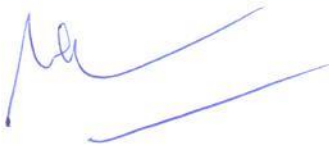
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		133.532.682.634	167.932.996.464
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	3.251.675.859	2.954.082.262
03	Dự phòng		2.630.441.487	1.047.358.704
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	19.2	(209.967.963)	(334.685.327)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(4.853.554.971)
06	Chi phí lãi vay	22	23.133.793.052	25.117.089.462
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		162.338.625.069	191.863.286.594
09	Tăng các khoản phải thu		(51.408.750.169)	(61.710.219.351)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		62.366.928.585	(346.127.399.000)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(126.981.399.031)	91.598.075.765
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(14.905.737.879)	1.141.265.075
14	Lãi vay đã trả		(23.689.981.675)	(23.446.795.544)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25	(36.205.763.301)	(40.452.411.909)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(28.486.078.401)	(187.134.198.370)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.172.143.160)	(6.231.918.707)
23	Tiền chi mua các công cụ vốn của đơn vị khác		(1.100.000.000)	(10.000.891.870)
24	Tiền thu hồi bán lại các công cụ vốn của đơn vị khác		-	11.721.190.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.100.000.000
27	Thu lãi tiền gửi		-	2.160.524.868
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(2.272.143.160)	2.748.904.291
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	18.1	193.646.400.000	519.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		3.142.464.939.859	3.803.641.645.601
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.328.262.461.727)	(3.659.320.403.951)
36	Cổ tức đã trả		(14.632.200.000)	(43.750.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(6.783.321.868)	101.090.241.650

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Luân chuyển tiền thuần trong năm		(37.541.543.429)	(83.295.052.429)
60	Tiền đầu năm		68.267.019.973	151.491.929.805
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		209.967.963	70.142.597
70	Tiền cuối năm	4	30.935.444.507	68.267.019.973



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 344 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 276).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đề ngày 21 tháng 3 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200").

Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 28.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	250.379.529	211.058.530
Tiền gửi ngân hàng	30.685.064.978	68.055.961.443
TỔNG CỘNG	30.935.444.507	68.267.019.973

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp tiền gửi ngân hàng trị 100.000 đô la Mỹ để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn 1 năm vào Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất 6% một năm. Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp khoản tiền này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	54.205.289.525	36.287.058.437
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Viễn Thông A	42.380.556.897	8.414.265.477
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	8.814.798.145	43.537.669.941
Khác	211.845.860.720	203.367.502.203
TỔNG CỘNG	317.246.505.287	291.606.496.058
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.690.849.291)	(6.060.407.804)
GIÁ TRỊ THUẦN	308.555.655.996	285.546.088.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Invesia International Limited	11.319.444.647	10.071.550.715
Nokia Sales International Oy	-	10.358.222.917
Khác	6.768.328.829	1.423.897.461
TỔNG CỘNG	18.087.773.476	21.853.671.093

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	21.063.313.377	-
Tạm ứng cho nhân viên	411.802.147	6.864.301.398
Khác	864.939.972	241.456.811
	22.340.055.496	7.105.758.209
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	2.201.670.000	1.704.580.480
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	24.541.725.496	8.508.405.356
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	-	301.933.333

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	614.963.940.334	605.472.785.089
Hàng mua đang đi đường	38.895.751.176	109.930.857.727
Hàng gửi đi bán	15.098.173.821	12.475.474.899
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	618.151.545	4.063.827.746
TỔNG CỘNG	669.576.016.876	731.942.945.461

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	14.848.940.279	1.284.603.146
Công cụ, dụng cụ	1.486.003.205	288.478.906
TỔNG CỘNG	16.334.943.484	1.573.082.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	21.183.180.735	1.092.473.365	15.994.938.106	2.733.284.429	41.003.876.635
Mua mới	-	1.053.443.160	65.000.000	53.700.000	1.172.143.160
Số cuối năm	21.183.180.735	2.145.916.525	16.059.938.106	2.786.984.429	42.176.019.795
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp vay (Thuyết minh số 17)</i>	21.183.180.735	-	-	-	21.183.180.735
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	261.401.632	5.534.279.971	2.577.521.753	8.373.203.356
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(4.534.451.228)	(468.626.498)	(7.328.209.038)	(2.644.126.442)	(14.975.413.206)
Khấu hao trong năm	(853.605.092)	(258.971.118)	(1.754.602.620)	(74.487.167)	(2.941.665.997)
Số cuối năm	(5.388.056.320)	(727.597.616)	(9.082.811.658)	(2.718.613.609)	(17.917.079.203)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	16.648.729.507	623.846.867	8.666.729.068	89.157.987	26.028.463.429
Số cuối năm	15.795.124.415	1.418.318.909	6.977.126.448	68.370.820	24.258.940.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp vay</i> <i>(Thuyết minh số 17)</i>	56.550.000.000	-	56.550.000.000
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	219.127.200	219.127.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(1.163.678.146)	(1.163.678.146)
Hao mòn trong năm	-	(310.009.862)	(310.009.862)
Số cuối năm	-	(1.473.688.008)	(1.473.688.008)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	56.550.000.000	795.944.752	57.345.944.752
Số cuối năm	56.550.000.000	485.934.890	57.035.934.890

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	1.100.000.000	100	-	-

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Asus Global Pte. Ltd.	30.185.973.198	63.446.177.318
Dell Global B.V (Singapore Branch)	21.831.158.500	55.601.281.400
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	43.288.643.718	34.635.548.835
Khác	58.593.359.203	52.889.350.441
TỔNG CỘNG	153.899.134.619	206.572.357.994
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	700.603.944	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	-	65.687.701.843
Khác	3.962.290.337	542.523.298
TỔNG CỘNG	3.962.290.337	66.230.225.141

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	11.881.823.497	29.769.297.847	(36.205.763.301)	5.445.358.043
Thuế thu nhập cá nhân	294.364.856	4.804.165.505	(4.789.174.288)	309.356.073
TỔNG CỘNG	12.176.188.353	34.573.463.352	(40.994.937.589)	5.754.714.116

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay	876.964.979	1.433.153.602
Chiết khấu thương mại	714.517.936	5.706.976.228
Chi phí hoạt động	279.880.741	5.154.963.045
Chi phí phải trả khác	-	608.598.463
TỔNG CỘNG	1.871.363.656	12.903.691.338

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 26)	8.800.000.000	-
Chi trả hộ	5.911.338.983	13.080.711.058
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	840.826.059	566.554.761
Khác	118.181.818	46.800.000
	15.670.346.860	13.694.065.819
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.034.342.999	670.000.000
Khác	760.429.879	760.429.879
	4.794.772.878	1.430.429.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. VAY

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng	598.304.506.391	3.136.864.939.859	(3.317.862.461.727)	417.306.984.523
Vay dài hạn đến hạn trả	4.800.000.000	5.600.000.000	(4.800.000.000)	5.600.000.000
	<u>603.104.506.391</u>	<u>3.142.464.939.859</u>	<u>(3.322.662.461.727)</u>	<u>422.906.984.523</u>
Dài hạn				
Vay ngân hàng	28.500.000.000	-	(5.600.000.000)	22.900.000.000
TỔNG CỘNG	<u>631.604.506.391</u>	<u>3.142.464.939.859</u>	<u>(3.328.262.461.727)</u>	<u>445.806.984.523</u>

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn	140.399.395.873	Từ 19 tháng 2 năm 2016 đến 25 tháng 3 năm 2016	Từ 4,6 đến 5,4	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	131.393.164.612	Từ 18 tháng 1 năm 2016 đến 28 tháng 2 năm 2016	4,8	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	88.500.000.000	Từ 26 tháng 1 năm 2016 đến 18 tháng 2 năm 2016	Từ 4,9 đến 5,9	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	57.014.424.038	Từ 12 tháng 1 năm 2016 đến 28 tháng 2 năm 2016	Từ 4,2 đến 5,9	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn
	<u>417.306.984.523</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	<u>28.500.000.000</u>	Hoàn trả trong vòng 20 lần thanh toán, hàng quý, cho đến 25 tháng 12 năm 2019	8,0	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại 284A và 282 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	22.900.000.000			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.600.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	108.024.690.000	37.179.604.250	(85.000.000.000)	400.000.000	189.445.922.918	250.050.217.168
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(1.630.386.600)	2.149.386.600	-	-	519.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	127.939.899.318	127.939.899.318
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(43.750.000.000)	(43.750.000.000)
Số cuối năm	<u>108.024.690.000</u>	<u>35.549.217.650</u>	<u>(82.850.613.400)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>273.635.822.236</u>	<u>334.759.116.486</u>

(*) Trong năm, Công ty tái phát hành 51.900 cổ phiếu quỹ cho Cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường số 10/2014/NQ-ĐHĐCĐ/DGW ngày 15 tháng 10 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm nay						
Số đầu năm	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	117.068.723.766	76.577.676.234	-	-	193.646.400.000
Phát hành cổ phiếu thưởng (**)	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu (***)	70.296.600.000	-	-	-	(70.296.600.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(23.432.200.000)	(23.432.200.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.763.384.787	103.763.384.787
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>155.858.407.023</u>	<u>608.736.701.273</u>

(*) Vào ngày 20 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tái phát hành 1.793.000 cổ phiếu quỹ với mức giá là 110.000 VND/ cổ phiếu cho các nhà đầu tư và 56.100 cổ phiếu quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/ cổ phiếu cho Cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường số 10/2014/NQ-ĐHĐCĐ/DGW ngày 15 tháng 10 năm 2014.

(**) Vào ngày 25 tháng 5 năm 2015, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường số 10/2014/NQ-ĐHĐCĐ/DGW ngày 15 tháng 10 năm 2014 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18-2014/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2014, Công ty đã phát hành 12.781.200 cổ phiếu thưởng với giá trị là 127.812.000.000 VNĐ cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:12 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 12 cổ phiếu phát hành thêm) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 12 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 235.836.690.000 VND.

(***) Vào ngày 20 tháng 10 năm 2015, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015 số 02/05-2015/HĐCĐ-DGW ngày 22 tháng 5 năm 2015 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/09-2015/HĐQT-DGW ngày 16 tháng 9 năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 7.029.660 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 3 cổ phiếu phát hành thêm). Vào ngày 2 tháng 11 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 306.133.290.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Created Future	114.400.000.000	37,56	50.000.000.000	56,11
PYN Fund Management Ltd	30.626.310.000	10,05	-	0,00
Bà Đặng Kiện Phương	17.327.050.000	5,69	5.896.000.000	6,62
Ông Đoàn Anh Quân	14.071.200.000	4,62	4.920.000.000	5,52
Ông Đoàn Hồng Việt	13.977.730.000	4,59	4.631.000.000	5,20
Bà Tô Hồng Trang	10.586.290.000	3,48	3.659.000.000	4,11
Các cổ đông khác	103.630.020.000	34,02	18.913.000.000	22,45
Cổ phiếu quỹ	1.514.690.000		20.005.690.000	
TỔNG CỘNG	306.133.290.000	100,00	108.024.690.000	100,00

18.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã trả trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	70.296.600.000	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	14.632.200.000	43.750.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2015		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	45.692.790.000	-

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	30.613.329	10.802.469
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30.613.329	10.802.469
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.613.329	10.802.469
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(2.000.569)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(2.000.569)
Cổ phiếu đang lưu hành	30.461.860	8.801.900
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.461.860	8.801.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu:	4.246.389.580.916	4.956.069.869.743
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	4.225.296.647.274	4.930.911.950.135
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	21.092.933.642	25.157.919.608
Trừ:	(43.033.836.352)	(79.505.130.468)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(36.005.539.829)	(72.543.208.632)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(7.028.296.523)	(6.961.921.836)
DOANH THU THUẦN	<u>4.203.355.744.564</u>	<u>4.876.564.739.275</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	4.182.262.810.922	4.851.406.819.667
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	21.092.933.642	25.157.919.608

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.600.967.512	3.030.388.598
Chiết khấu thanh toán	3.880.010.046	2.519.275.328
Lãi tiền gửi ngân hàng	423.098.929	3.133.256.841
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	209.967.963	334.685.327
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.720.298.130
TỔNG CỘNG	<u>14.114.044.450</u>	<u>10.737.904.224</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.922.406.143.877	4.564.808.267.332
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.483.211.693	24.412.359.893
TỔNG CỘNG	<u>3.938.889.355.570</u>	<u>4.589.220.627.225</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	64.397.440.390	67.229.317.088
Chi phí nhân công	36.692.825.645	25.762.285.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.468.311.047	14.146.381.170
Khác	13.236.303.698	27.320.650.143
Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.180.658.342	38.939.839.997
Chi phí nhân công	23.179.698.990	18.111.037.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.254.429.709	7.900.086.520
Khác	12.746.529.643	12.928.715.996
TỔNG CỘNG	<u>109.578.098.732</u>	<u>106.169.157.085</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.133.793.052	25.117.089.462
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.366.817.004	3.163.475.470
Chiết khấu thanh toán	6.704.328.012	14.373.451.235
Chi phí tài chính khác	-	18.191.619
TỔNG CỘNG	<u>40.204.938.068</u>	<u>42.672.207.786</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	6.038.138.573	19.820.408.517
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.543.439.135	13.213.406.790
Bảo hiểm bồi thường	-	6.407.118.290
Khác	2.494.699.438	199.883.437
Chi phí khác	<u>(1.302.852.583)</u>	<u>(1.128.063.456)</u>
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>4.735.285.990</u>	<u>18.692.345.061</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	3.947.433.330.705	4.592.122.284.721
Chi phí nhân công	59.872.524.635	31.910.685.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.722.740.756	56.021.182.157
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	3.251.675.859	2.954.082.262
Chi phí khác	15.119.951.621	67.409.697.352
TỔNG CỘNG	<u>4.049.400.223.576</u>	<u>4.750.417.932.313</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	133.532.682.634	167.932.996.464
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của năm trước	(3.543.439.135)	-
Chi phí không được trừ	1.781.749.726	13.853.808.747
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	<u>131.770.993.225</u>	<u>181.786.805.211</u>
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	28.989.618.510	39.993.097.146
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	779.679.337	-
Chi phí thuế TNDN ước tính năm hiện hành	29.769.297.847	39.993.097.146
Thuế TNDN phải trả đầu năm	11.881.823.497	12.341.138.260
Thuế TNDN đã trả trong năm	(36.205.763.301)	(40.452.411.909)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	<u>5.445.358.043</u>	<u>11.881.823.497</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Mua hàng hóa	182.150.427.205	-
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Công ty con	Góp vốn	1.100.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	1.030.534.914	-
Ông Đoàn Hồng Viên	Tổng Giám đốc Công ty	Tạm ứng	-	69.708.296.908
		Thu nhập lãi	-	1.004.580.429
		Chi phí lãi vay	-	691.200.000
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng	-	1.643.862.654
		Thu nhập lãi	-	338.101.654
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị	Mượn tiền	-	2.273.605.400

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng	-	301.933.333
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	700.603.944	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức phải trả	8.800.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>3.664.331.904</u>	<u>4.214.936.308</u>

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

27.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.157.929.876	4.711.758.598
Từ 1 đến 5 năm	<u>3.744.000.000</u>	<u>2.663.541.918</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.901.929.876</u>	<u>7.375.300.516</u>

27.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp	Phần vốn cam kết còn phải góp
		Số tiền	%		
	VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>1.100.000.000</u>	<u>98.900.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

28. PHÂN LOẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

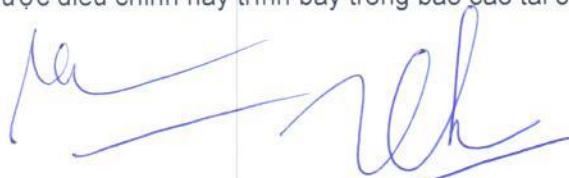
	<i>Số đầu năm (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
			VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu ngắn hạn khác	594.055.451	6.511.702.758	7.105.758.209
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	4.305.726	4.305.726
Tài sản ngắn hạn khác	6.516.008.484	(6.516.008.484)	-
Phải thu dài hạn khác	-	1.704.580.480	1.704.580.480
Tài sản dài hạn khác	1.704.580.480	(1.704.580.480)	-

	<i>Năm trước (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Năm nay (được trình bày lại)</i>
			VND

	<i>Năm trước (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Năm nay (được trình bày lại)</i>
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
Tăng các khoản phải thu	(61.136.189.611)	(574.029.740)	(61.710.219.351)
Tăng các khoản phải trả	87.304.003.501	4.294.072.264	91.598.075.765
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.294.072.264	(4.294.072.264)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(574.029.740)	574.029.740	-

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016